

Tổng hợp kiến thức về Phân từ hoàn thành (Perfect Participle)

Phân từ hoàn thành là một dạng ngữ pháp nâng cao giúp câu văn trở nên ngắn gọn, súc tích và học thuật hơn. Đây là kiến thức quan trọng thường xuất hiện trong các bài thi THPT Quốc gia. Hãy cùng tìm hiểu chi tiết về cách dùng của nó.

1. Phân từ hoàn thành (Perfect Participle) là gì?

Phân từ hoàn thành (Perfect Participle) là một dạng rút gọn mệnh đề trạng ngữ, được sử dụng khi hai mệnh đề có cùng chủ ngữ và hành động trong mệnh đề được rút gọn xảy ra **trước** hành động trong mệnh đề chính. Nó nhấn mạnh sự hoàn tất của một hành động trước khi một hành động khác bắt đầu.

Về cơ bản, chúng ta dùng phân từ hoàn thành để thay thế cho các liên từ chỉ thời gian như *after*, *before*, *when* hoặc các cấu trúc như *Because/Since* khi diễn tả một nguyên nhân đã xảy ra trong quá khứ.

2. Cấu trúc và cách sử dụng Phân từ hoàn thành

Phân từ hoàn thành có hai dạng chính: chủ động và bị động.

a. Dạng chủ động (Active Perfect Participle)

Dạng này được sử dụng khi chủ ngữ của câu tự thực hiện hành động.

- **Công thức:** **Having + V3/ed, S + V ...**

- **Giải thích:** Cấu trúc này được dùng để rút gọn mệnh đề trạng ngữ khi hành động trong mệnh đề này xảy ra trước và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành động trong mệnh đề chính.

Ví dụ minh họa:

1. **Câu gốc:** *After she had finished her homework, she went to bed.* (Sau khi cô ấy làm xong bài tập, cô ấy đi ngủ.)

Câu rút gọn: ***Having finished** her homework, she went to bed.*

2. **Câu gốc:** *He had failed the exam twice, so he didn't want to try it again.* (Anh ấy đã trượt kỳ thi hai lần, vì vậy anh ấy không muốn thử lại nữa.)

Câu rút gọn: ***Having failed** the exam twice, he didn't want to try it again.*

3. **Câu gốc:** *Because I had seen the movie before, I didn't want to go with them.* (Bởi vì tôi đã xem bộ phim đó trước đây, tôi không muốn đi cùng họ.)

Câu rút gọn: ***Having seen** the movie before, I didn't want to go with them.*

b. Dạng bị động (Passive Perfect Participle)

Dạng này được sử dụng khi chủ ngữ của câu bị tác động bởi hành động, tức là nhận hành động thay vì thực hiện nó.

- **Công thức:** **Having been + V3/ed, S + V ...**

- **Giải thích:** Cấu trúc này được dùng khi mệnh đề được rút gọn ở thể bị động và hành động đó xảy ra trước hành động trong mệnh đề chính.

Ví dụ minh họa:

1. **Câu gốc:** *After he had been told the news, he looked very sad.* (Sau khi anh ấy được báo tin, anh ấy trông rất buồn.)

Câu rút gọn: *Having been told the news, he looked very sad.*

2. **Câu gốc:** *The book had been translated into many languages, so it became famous worldwide.* (Cuốn sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, vì vậy nó trở nên nổi tiếng toàn thế giới.)

Câu rút gọn: *Having been translated into many languages, the book became famous worldwide.*

3. **Câu gốc:** *After she was awarded the prize, she thanked her parents.* (Sau khi cô ấy được trao giải thưởng, cô ấy đã cảm ơn bố mẹ.)

Câu rút gọn: *Having been awarded the prize, she thanked her parents.*

3. Điều kiện bắt buộc để rút gọn câu dùng Phân từ hoàn thành

Để có thể sử dụng Phân từ hoàn thành một cách chính xác, câu gốc phải thỏa mãn hai điều kiện sau:

- **Hai mệnh đề phải có cùng chủ ngữ (Same Subject):** Chủ ngữ thực hiện/nhận cả hai hành động phải là một.
- **Hành động của mệnh đề phụ phải xảy ra trước hành động của mệnh đề chính (Clear Time Sequence):** Phải có sự chênh lệch rõ ràng về thời gian giữa hai hành động.

Ví dụ trường hợp **SAI**:

Câu gốc: *After the teacher had explained the lesson, the students started doing the exercises.* (Chủ ngữ là 'the teacher' và 'the students' -> khác nhau).

->**KHÔNG THỂ** rút gọn thành: *Having explained the lesson, the students started doing the exercises.* (Câu này sai vì nó có nghĩa là 'Học sinh giải thích bài học').

4. So sánh Phân từ hoàn thành với các loại phân từ khác

Việc phân biệt rõ các loại phân từ sẽ giúp bạn tránh nhầm lẫn khi làm bài.

Loại phân từ	Cấu trúc	Cách dùng	Ví dụ
Hiện tại phân từ (Present Participle)	V-ing	Diễn tả hai hành động xảy ra đồng thời hoặc nối tiếp nhau ngay lập tức .	<i>Opening the door, he saw a stranger.</i> (Vừa mở cửa ra, anh ta thấy một người lạ.)
Quá khứ phân từ (Past Participle)	V3/ed	Dùng để rút gọn mệnh đề quan hệ hoặc mệnh đề trạng ngữ ở dạng bị động .	<i>Surprised by the noise, the boy woke up.</i> (Bị tiếng ồn làm cho ngạc nhiên, cậu bé tỉnh giấc.)
Phân từ hoàn thành (Perfect Participle)	Having + V3/ed Having been + V3/ed	Diễn tả một hành động đã hoàn thành trước một hành động khác trong quá khứ.	<i>Having finished his work, he went home.</i> (Làm xong việc, anh ấy về nhà.)

5. Dạng phủ định của Phân từ hoàn thành

Để thành lập dạng phủ định, chúng ta chỉ cần thêm **"Not"** vào trước phân từ hoàn thành.

- **Dạng chủ động:** Not + having + V3/ed
- **Dạng bị động:** Not + having been + V3/ed

Ví dụ:

1. **Câu gốc:** *Because she had not prepared for the interview, she didn't get the job.*

Câu rút gọn: ***Not having prepared** for the interview, she didn't get the job.*

2. **Câu gốc:** *Because he had not been informed of the change, he arrived at the wrong time.*

Câu rút gọn: ***Not having been informed** of the change, he arrived at the wrong time.*

6. Bài tập vận dụng

Bài tập: Rút gọn các câu sau sử dụng **Phân từ hoàn thành**.

1. After Tom had repaired his car, he took it for a drive.
2. Because she had been praised by her teacher, she felt very happy.
3. We had worked in the garden all day, so we were tired in the evening.
4. After the student had been punished, he felt ashamed.
5. I had not read the book, so I couldn't answer the teacher's question.

Đáp án

1. Having repaired his car, Tom took it for a drive.
2. Having been praised by her teacher, she felt very happy.
3. Having worked in the garden all day, we were tired in the evening.
4. Having been punished, the student felt ashamed.

5. Not having read the book, I couldn't answer the teacher's question.

VIDOCU.COM